

Bản án số: 13 /2024 /KDTM-ST
Ngày: 21/5/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Chi;

Các hội thẩm nhân dân: ; Ông Nguyễn Văn Toàn, Bà Đào Thị Kim Tuyền ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Bà Tăng Ngọc Kim Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-KDTMST ngày 02/01/2024 về *Tranh chấp Hợp đồng thi công* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXX-ST ngày 23/4/2024;

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần Qt B; Địa chỉ: đường T, phường C, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H - Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Định N - Giám đốc tài chính kế toán (Theo giấy ủy quyền số 03/2022/UQ-BT ngày 09/11/2022). Ủy quyền lại cho Công ty luật TNHH NP L. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình T - Luật sư. (Ông Thế có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Công ty cổ phần tập đoàn F. Địa chỉ: Đường C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. (Nay chuyển về đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội). Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến D - Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H2, ông Nguyễn Minh Đ (Theo giấy ủy quyền số 26/GUQ_TGD ngày 12/3/2024). (Ông Đ có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2023 và trong các lời khai, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24 tháng 4 năm 2017, Công ty Cổ phần Qt B (“B” hoặc “Nhà thầu”) và Công ty Cổ phần Tập đoàn F (“F” hoặc “Chủ đầu tư”) ký kết Hợp đồng thi công số 63A/2017/HĐTC/SS/F-BTI về cung cấp vật tư và thi công lắp đặt thiết bị nhà bếp F Grand Hotel tại Dự án F Sầm Sơn Golf Links & Resort Giai đoạn 2 (sau

[Type here]

đây gọi tắt “Hợp Đồng 63A”). Theo Điều 6 của Hợp Đồng 63A và Bảng tổng hợp giá trị kèm theo (Phụ lục 01), Giá trị hợp đồng là 9.800.000.000 đồng (*Chín tỉ, tám trăm triệu đồng*). Tiếp đó, các Bên có ký thêm 02 phụ lục về việc thay đổi bổ sung Giá trị Hợp đồng, cụ thể: ngày 22/07/2017 ký Phụ lục 04; vào ngày 08/06/2017 ký phụ lục 05 với tổng Giá trị được điều chỉnh là 12.022.115.500 đồng (*Mười hai tỉ, không trăm hai mươi hai triệu, một trăm mười lăm nghìn, năm trăm đồng*). Thực hiện Hợp Đồng, F đã tạm ứng tổng số tiền 3.635.919.230 đồng cho B vào các ngày 13 tháng 4 năm 2018; ngày 19 tháng 5 năm 2018 và ngày 29 tháng 8 năm 2018. Công ty Qt B đã thi công, hoàn thiện công trình và bàn giao cho F theo đúng cam kết và đáp ứng điều kiện thanh toán theo quy định Hợp Đồng 63A cụ thể: Ngày 10 tháng 10 năm 2017, Công ty Qt B và F ký Biên bản số 06/HTHM/TBB/BTI¹ về Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, theo đó, F xác nhận Công ty Qt B đã thực hiện đúng nghĩa vụ Hợp Đồng 63A và đáp ứng đủ các điều kiện để đưa công trình vào sử dụng thương mại. Ngày 15 tháng 7 năm 2019, các Bên ký Biên bản nghiệm thu và xác nhận hoàn tất bảo hành công trình , theo đó, F xác nhận Công ty Qt B đã thực hiện đúng nghĩa vụ bảo hành công trình theo Hợp Đồng 63A. Ngày 12 tháng 01 năm 2021, các Bên ký Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán , theo đó, F xác nhận khối lượng công việc mà Công ty Qt B đã thực hiện đúng với Hợp Đồng 63A và xác nhận giá trị quyết toán hợp đồng mà F phải thanh toán cho Công ty Qt B là 8.233.064.860 đồng (100% Giá Trị Hợp đồng). Ngày 26 tháng 10 năm 2020, các Bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng , theo đó, F xác nhận còn phải thanh toán cho Công ty Qt B số tiền là 8.233.064.860 đồng như hồ sơ quyết toán hợp đồng. Vào các ngày 08 tháng 02 năm 2021, ngày 19 tháng 01 năm 2022, ngày 27 tháng 01 năm 2022 và ngày 18 tháng 03 năm 2022 công ty F đã thanh toán tổng số tiền 1.800.000.000 đồng cho Công ty Qt B. Như vậy, sau khi trừ đi khoản thanh toán nêu trên, đến nay F còn nợ Công ty Qt B số tiền nợ gốc là 6.433.064.860 đồng.

Công ty Qt B đã rất nhiều lần liên hệ làm việc và yêu cầu F thanh toán công nợ nêu trên, Tuy nhiên, F vẫn chưa thanh toán công nợ cho Qt B. F đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp Đồng 63A và quy định pháp luật: Về tiền nợ gốc: Tại Điều 6.4 của Hợp Đồng 63A có quy định: “....*Trong vòng 14 (mười bốn) Ngày Làm Việc sau khi Hồ sơ quyết toán của Bên B được Bên A chấp thuận, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% (một trăm phần trăm) Giá Trị Quyết Toán và trừ đi các khoản tiền sau: tiền đã tạm ứng, tiền đã thanh toán, tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm Hợp đồng và các khoản tiền khác mà Bên B phải thanh toán hoặc hoàn trả theo quy định của Hợp Đồng này (nếu có).*” Căn cứ thoả thuận nêu trên, F rõ ràng đã vi phạm thời hạn thanh toán khi không thực hiện thanh toán đầy đủ 8.233.064.860 đồng cho Qt B trong vòng 14 ngày kể từ ngày 12 tháng 01

năm 2021. Căn cứ vào Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Biên bản thanh lý hợp đồng năm 2021, F đã xác nhận số tiền phải trả cho Qt B là 8.233.064.860 đồng. Trên cơ sở các chứng cứ nêu trên, F có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 6.433.064.860 đồng và tiền lãi phát sinh chậm trả cho Qt B.

Về tiền lãi chậm thanh toán: Theo quy định Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015: Áp dụng mức lãi suất 10%/năm để tính lãi chậm trả và số tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 30 tháng 09 năm 2023 là 514.645.189 đồng. Như vậy, tính đến ngày 30 tháng 09 năm 2023, tổng số nợ gốc và lãi mà F phải thanh toán cho Công ty Qt B là 6.947.710.049 đồng. Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn F phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Qt B số tiền sau: Nợ gốc: 6.433.064.860 đồng. Nợ lãi chậm trả: 514.645.189 đồng. Tổng cộng: 6.947.710.049 đồng (*Sáu tỉ, chín trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm mười nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng*)

Đại diện bị đơn trình bày: Ngày 24/4/2017, Tập đoàn F và Công ty Qt B ký Hợp đồng số 63A/2017/HĐTC/SS/F-BTI và Phụ lục 03 về việc cung cấp vật tư và thi công lắp đặt thiết bị nhà bếp F Grand Hotel tại dự án F Sầm Sơn Golf Links & Resort giai đoạn 2 (sau đây gọi tắt là "**Hợp đồng 63A**").

Sau khi ký kết hợp đồng, Tập đoàn F và Công ty Qt B đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và công việc thỏa thuận tại Hợp đồng 63A. Ngày 12/01/2021, Công ty Qt B đệ trình hồ sơ quyết toán công trình với số tiền tổng thanh toán là 8.233.064.860 đồng. Tập đoàn F đã thực hiện việc thanh toán giá trị quyết toán cho Công ty Qt B, cụ thể:

- Ngày 08/02/2021, Tập đoàn F thanh toán số tiền: 500.000.000 đồng.
- Ngày 19/01/2022, Tập đoàn F thanh toán số tiền: 500.000.000 đồng .
- Ngày 27/01/2022, Tập đoàn F thanh toán số tiền: 500.000.000 đồng.
- Ngày 18/3/2022, Tập đoàn F thanh toán số tiền: 300.000.000 đồng .

Tổng cộng, Tập đoàn F đã thanh toán 1.800.000.000 đồng theo hồ sơ quyết toán Công ty Qt B trình bày . Như vậy số tiền còn lại của hồ sơ quyết toán Hợp đồng 63A là: 6.433.064.860 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán, đề nghị Công ty Qt B nêu rõ cách thức tính lãi, căn cứ tính lãi, số ngày tính lãi và các căn cứ xác định lãi suất theo đúng thỏa thuận tại Điều 11.7 của Hợp đồng 63A.

Tại buổi hòa giải tại tòa án ngày 02/4/2024, Công ty Cổ phần Qt B và Công ty Cổ phần Tập đoàn F cùng xác nhận đã ký hợp đồng thi công số 63A/2017/HĐTC/SS/F-BTI về cung cấp vật tư và thi công lắp đặt thiết bị nhà bếp F Grand Hotel tại Dự án F Sầm Sơn Golf Links & Resort Giai đoạn 2 ngày 24/4/2017. Hai bên cùng xác nhận hiện tại Công ty cổ phần tập đoàn F còn nợ Công ty cổ phần Qt B số tiền nợ gốc: 6.433.064.860 đồng theo hợp đồng thi công số 63A/2017/HĐTC/SS/F-BTI và số tiền lãi chậm thanh toán theo Điều 11.7 thỏa thuận của hợp đồng.

[Type here]

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tính cả gốc và lãi đến ngày 21/5/2024 là :Nợ gốc: 6.433.064.860 đồng. Nợ lãi chậm trả: 514.645.189 đồng. Tổng cộng: 6.947.710.049 đồng (*Sáu tỉ, chín trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm mười nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng*)

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận số tiền nợ gốc như Công ty Qt B yêu cầu và xin được không trả lãi. Trường hợp không xin được lãi đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình xây dựng hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với người tham gia tố tụng, về phía nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp cùng các tài liệu Tòa án xác minh thu thập được xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về Hợp đồng thi công . Công ty cổ phần tập đoàn F có Địa chỉ : Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways , 265 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Ngày 26/3/2024 có thay đổi địa chỉ trong đăng ký kinh doanh là Tầng 5 Tòa nhà F Landmark Tower , đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội . Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*: Ngày 24/4/2017, Tập đoàn F và Công ty Qt B ký Hợp đồng số 63A/2017/HĐTC/SS/F-BTIVà Phụ lục 03 về việc cung cấp vật tư và thi công lắp đặt thiết bị nhà bếp F Grand Hotel tại dự án F Sầm Sơn Golf Links & Resort giai đoạn 2 (sau đây gọi tắt là "**Hợp đồng 63A**"). Sau khi ký kết hợp đồng, Tập đoàn F và Công ty Qt B đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và công việc thỏa thuận tại Hợp đồng 63A. Ngày 12/01/2021, Công ty Qt B đệ trình hồ sơ quyết toán công trình với số tiền tổng thanh toán là 8.233.064.860 đồng.Tập đoàn F đã thực hiện việc thanh toán giá trị quyết toán cho Công ty Qt B, Cụ thể Tập đoàn F đã thanh toán 1.800.000.000 đồng theo hồ sơ quyết toán Công ty Qt B trình bày . Như vậy số tiền còn lại của hồ sơ quyết toán Hợp đồng 63A là: 6.433.064.860 đồng.

Xét thấy Hợp đồng số 63A/2017/HĐTC/SS/F-BTIVà Phụ lục 03 về việc cung cấp vật tư và thi công lắp đặt thiết bị nhà bếp F Grand Hotel tại dự án F Sầm Sơn Golf Links & Resort giai đoạn 2 có nội dung và hình thức phù hợp với quy

định của pháp luật. Chủ thể giao kết hợp đồng có đủ năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân, quá trình ký hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện và không có ý kiến gì về hợp đồng đã ký kết. Do đó các hợp đồng trên là hợp pháp có giá trị thực hiện đối với các bên.

Trong các biên bản hòa giải tại tòa án: Hai bên cùng xác nhận hiện Công ty cổ phần Tập đoàn F còn nợ lại Công ty cổ phần Qt B số tiền nợ gốc: 6.433.064.860 đồng theo hợp đồng thi công số 63A/2017/HĐTC/SS/F-BTI và số tiền lãi chậm thanh toán theo Điều 11.7 thỏa thuận của hợp đồng là: theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán với số tiền chậm thanh toán. Tổng số tiền lãi không vượt quá 8% tổng số tiền chậm thanh toán.

Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn F phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 21/5/2024: Nợ gốc: 6.433.064.860 đồng. Nợ lãi chậm trả: 514.645.189 đồng. Tổng cộng: 6.947.710.049 đồng là phù hợp với pháp luật có căn cứ nên cần được chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là: 6.947.710.049 đồng (*Sáu tỉ, chín trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm mười nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng*)

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức nộp án phí Tòa án là: 114.947.710 đồng. (*Một trăm mười bốn triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm mười đồng*)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 398; Điều 401 Điều Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Qt B.

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn F phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Công ty cổ phần Qt B số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 21/5/2024 là 6.947.710.049 đồng (*Sáu tỉ, chín trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm mười nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng*)

2. Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm : Công ty Cổ phần Tập đoàn F phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 114.947.710 đồng. (*Một trăm mười bốn triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm mười đồng*). Công ty cổ phần Qt B được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 57.473.800 đồng (*Năm mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000270 ngày 21/12/2023 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố HN;
- VKS Cầu Giấy, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Cầu Giấy;
- Các đương sự;

Nguyễn Thùy Chi